TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06- 9 - 2017
V/v tranh chấp về yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Bà Nguyễn Thị Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Đỗ Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2017/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp về yêu cầu không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Điền Thị H, sinh năm 1981, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh N, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Nghĩa D, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Điền Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Nghĩa D chung sống với nhau do tự nguyện từ năm 2003, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình anh D tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói

chung nên thường xuyên xảy ra va chạm bất hòa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình và bạn bè khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn nên không hàn gắn được tình cảm. Từ tháng 02 năm 2016 cho đến nay chị và anh Phạm Nghĩa D đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm và trách nhiệm gì đến nhau nữa.

Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh D không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Phạm Nghĩa D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Phạm Nghĩa D có 02 con chung là Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 26/01/2005 và Phạm Hà A, sinh ngày 27/9/2012. Chị đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị Hồng N cho anh D nuôi dưỡng, chị nuôi dưỡng con chung Phạm Hà A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Nghĩa D không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Phạm Nghĩa D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Điền Thị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2003 nhưng do thất lạc giấy tờ nên anh không còn lưu giữ giấy chứng nhận kết hôn để cung cấp cho Tòa án. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ anh tại thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Anh xác định về thời gian, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Mâu thuẫn giữa anh và chị H đã căng thẳng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn, anh và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn nên anh đồng ý với quan điểm của chị H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị H là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Điền Thị H có 02 con chung là: Phạm Thị Hồng N - sinh ngày 26/01/2005 và Phạm Hà A, sinh ngày 27/9/2012. Anh đề nghị Tòa án giao con chung Phạm Thị Hồng N cho anh nuôi dưỡng, chị H nuôi dưỡng con chung Phạm Hà A. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Anh và Điền Thị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Điền Thị H. Xử không công nhận chị Điền Thị H và anh Phạm Nghĩa D là vợ chồng và công nhận

sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 26/01/2005 cho anh D nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày 27/9/2012cho chị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai, thời hạn nuôi dưỡng con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Điền Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Điền Thị H và anh Phạm Nghĩa D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003. Anh D trình bày anh và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã H nhưng ngoài lời khai, anh D không cung cấp được chứng cứ nào khác. Tài liệu xác minh cho thấy anh D và chị H chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này là tranh chấp về không công nhận là vợ chồng quy định tại Khoản 8, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Điền Thị H và anh Phạm Nghĩa D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2003. Trong quá trình chung sống do có những bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, vợ chồng thiếu sự quan tâm và chia sẻ nên tình cảm ngày một lạnh nhạt. Cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh D đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và anh D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên việc chị H yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh D là vợ chồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Điền Thị H và anh Phạm Nghĩa D có 02 con chung là: Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 26/01/2005 và Phạm Hà A, sinh ngày 27/9/2012. Chị H và anh D đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết giao con chung Phạm Hà A cho chị H nuôi dưỡng, anh D nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Hồng N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét quan điểm của chị H và anh D là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Điền Thị H và anh Phạm Nghĩa D đều có quan điểm tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Điền Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử không công nhận chị Điền Thị H và anh Phạm Nghĩa D là vợ chồng.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung Phạm Thị Hồng N, sinh ngày 26 tháng 01 năm 2005 cho anh Phạm Nghĩa D nuôi dưỡng và giao con chung Phạm Hà A, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2012 cho chị Điền Thị H nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Thời hạn nuôi dưỡng các con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi không công nhận là vợ chồng, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Điền Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước, chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0004174 ngày 26 tháng 6 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh